



Everpia JSC

Head office and factory:
Dương Xá, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam
Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 28042026-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026
Ha Noi, 28th April 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae
- Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý 1 năm 2026.

Separated and consolidated financial statements for the 1st quarter of 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2026 tại đường dẫn: <https://everpia.vn/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-ct60.html>

This information was disclosed on Company on 28/04/2026, available at: <https://everpia.vn/financial-report/financial-report-ce60.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



YU SUNG DAE

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	3-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-39

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		736,006,137,622	765,741,410,584
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	55,750,163,624	66,280,891,962
1. Tiền		55,582,060,096	65,780,470,007
2. Các khoản tương đương tiền		168,103,528	500,421,955
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	341,926,112,600	319,654,151,394
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		341,926,112,600	319,654,151,394
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102,758,659,819	156,481,340,733
1. Phải thu khách hàng	V.3	102,556,685,617	159,203,697,992
2. Trả trước cho người bán	V.3	6,362,124,345	4,475,354,479
3. Các khoản phải thu khác	V.4	18,562,270,727	19,249,812,307
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.3,4	(24,722,420,870)	(26,447,524,045)
IV. Hàng tồn kho	V.6	223,080,095,144	209,806,137,678
1. Hàng tồn kho		270,323,823,024	259,042,916,745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(47,243,727,880)	(49,236,779,067)
V. Tài sản ngắn hạn khác		12,491,106,435	13,518,888,817
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.10	3,296,401,576	5,642,346,170
2. Thuế GTGT được khấu trừ		9,194,327,173	7,876,542,647
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		377,686	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2026


Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		522,642,929,464	530,593,657,986
I. Các khoản phải thu dài hạn		9,834,694,948	8,711,035,396
1. Trả trước cho khách hàng dài hạn	V.3	6,606,549,448	5,405,358,639
2. Phải thu dài hạn khác	V.4	3,228,145,500	3,305,676,757
II. Tài sản cố định		295,580,727,552	299,240,189,749
1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	294,451,182,955	298,038,989,718
- Nguyên giá		766,935,234,560	764,527,235,854
- Giá trị hao mòn lũy kế		(472,484,051,605)	(466,488,246,136)
2. Tài sản cố định vô hình	V.8	1,129,544,597	1,201,200,031
- Nguyên giá		42,331,716,375	42,369,999,659
- Giá trị hao mòn lũy kế		(41,202,171,778)	(41,168,799,628)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.9	72,984,493,110	72,759,357,534
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,590,390,000	11,590,390,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9,924,200,000	10,215,200,000
3. Đầu tư tài chính		64,120,254,734	64,120,254,734
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12,550,390,000)	(12,550,390,000)
5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác		(99,961,624)	(616,097,200)
V. Tài sản dài hạn khác		144,243,013,854	149,883,075,307
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.10	123,260,847,142	128,955,273,065
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	VI.8	20,982,166,712	20,927,802,242
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,258,649,067,086	1,296,335,068,570


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		31/03/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ		296,008,868,500	333,435,899,790
I. Nợ ngắn hạn		191,334,056,112	228,722,907,546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	21,531,600,917	29,287,576,805
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	20,539,308,858	12,835,613,808
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	2,252,097,104	7,536,442,606
4. Phải trả người lao động		23,315,438,616	27,788,651,015
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		931,552,787	4,264,747,935
6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	2,265,558,942	1,703,790,785
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	120,498,498,888	145,306,084,592
II. Nợ dài hạn		104,674,812,388	104,712,992,244
1. Phải trả dài hạn khác	V.13	23,857,330,161	23,895,510,017
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	80,817,482,227	80,817,482,227
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		962,640,198,586	962,899,168,780
I. Vốn chủ sở hữu	V.15	962,640,198,586	962,899,168,780
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]		419,797,730,000	419,797,730,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419,797,730,000	419,797,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		184,195,877,847	184,195,877,847
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(4,618,658,541)	(3,988,716,980)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(613,642,014)	142,772,809
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		350,478,544,209	349,708,339,648
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		349,708,340,647	310,492,203,807
- Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này		770,203,562	39,216,135,841
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		13,400,347,085	13,043,165,456
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,258,649,067,086	1,296,335,068,570


Nguyễn thị Bảo Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng	VI.1	152,913,521,384	143,380,707,971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.1	(1,227,716,831)	(90,897,541)
3. Doanh thu thuần về bán hàng	VI.1	151,685,804,553	143,289,810,430
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	(95,863,557,151)	(87,244,722,909)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		55,822,247,402	56,045,087,521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	8,767,782,508	6,701,741,600
7. Chi phí tài chính	VI.4	(4,935,066,760)	(4,313,627,774)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(3,322,452,217)</i>	<i>(2,865,772,114)</i>
8. Chi phí bán hàng	VI.5	(39,492,278,107)	(35,793,543,675)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	(19,617,836,686)	(21,372,225,055)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		544,848,357	1,267,432,617
11. Thu nhập khác	VI.6	575,877,167	409,282,141
12. Chi phí khác	VI.6	(47,704,804)	(19,685,277)
13. Lợi nhuận khác		528,172,363	389,596,864
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,073,020,720	1,657,029,481
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	(495,492,978)
16. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	VI.8	54,364,470	(70,383,543)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,127,385,190	1,091,152,960
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		770,203,562	720,558,457
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		357,181,628	370,594,503
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VIII.3	18	17
21. Lãi pha loãng trên cổ phiếu	VIII.3	18	17

Nguyễn thị Bảo Ngọc

Nguyễn thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn thị Bảo Ngọc

Nguyễn thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

Yu Sung Dae

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 Lợi nhuận trước thuế		1,073,020,720	1,657,029,481
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02 Khấu hao tài sản cố định		6,029,177,619	5,852,830,143
03 (Hoàn nhập)/ Trích các khoản dự phòng		(3,718,154,362)	(5,174,012,068)
04 (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1,215,630,949)	51,417,780
05 (Lãi) từ hoạt động đầu tư	VI.3	(7,494,883,115)	(6,107,616,584)
06 Chi phí lãi vay		3,656,439,105	2,865,772,114
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi		(1,670,030,982)	(854,579,134)
09 Thay đổi các khoản phải thu		53,087,137,429	43,385,211,923
10 Thay đổi hàng tồn kho		(11,280,906,279)	(2,170,960,248)
11 Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8,785,883,518)	(24,439,358,642)
12 Thay đổi chi phí trả trước		8,040,370,517	3,433,230,350
13 Thay đổi các khoản đầu tư kinh doanh		(516,135,577)	(4,747,750,812)
14 Tiền lãi vay đã trả		(3,358,773,586)	(2,854,485,279)
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4,131,227,587)	-
16 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(756,414,824)	(1,109,203,444)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30,628,135,593	10,642,104,714
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(2,369,715,422)	737,011,347
22 Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	-
23 Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(341,926,112,600)	(316,184,369,509)
24 Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		319,654,151,394	299,099,369,509
25 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7,494,883,115	6,385,785,709
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17,146,793,513)	(9,962,202,944)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		68,018,177,754	84,209,109,214
32 Tiền chi trả nợ gốc vay		(92,825,763,458)	(80,364,249,238)
33 Cổ tức đã trả cho cổ đông		-	-
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24,807,585,704)	3,844,859,976
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11,326,243,624)	4,524,761,746
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	66,280,891,962	19,500,426,548
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		795,515,286	1,145,550,309
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	55,750,163,624	25,170,738,603

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026



Nguyễn thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh lần lượt tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 911 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 925 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: công ty con), thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Phòng số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chần ga, gối và nệm.
2	Quỹ Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam	80%	80%	Tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư chứng khoán và quản lý đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty cũng sở hữu khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Kế toán phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty và MAOF

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty và MAOF. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại công ty được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của pháp luật nước sở tại.

13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu Công ty không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

Chi phí phải trả người bán được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

17 Ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Là các khoản điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ này được ghi nhận vào kỳ phát sinh.

18 Các khoản chi phí

Là các khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận vào thời điểm phát sinh giao dịch hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Việc ghi nhận chi phí đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện nhỏ hơn so với giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng.

Chi phí tài chính: Là các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, chi phí vốn vay nhưng không được vốn hóa theo quy định, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính,...

Chi phí bán hàng: Phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí này bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bộ phận bán hàng, các chi phí chào hàng, quảng cáo, vận chuyển đóng gói, chi phí bảo hành, chi phí thuê nơi bán hàng. Các chi phí này được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ, khấu hao tài sản dùng cho hoạt động quản lý, tiền thuê đất của bộ phận quản lý, lệ phí môn bài, các khoản trích lập dự phòng phải thu, dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp, các dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. Các khoản chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong kỳ và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Tiền mặt	150,288,217	205,369,815
Tiền gửi ngân hàng	55,431,771,879	64,096,405,572
Tiền đang chuyển		1,478,694,620
Các khoản tương đương tiền	168,103,528	500,421,955
	<u>55,750,163,624</u>	<u>66,280,891,962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2026		Đơn vị tính: VND 01/01/2026	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	341,926,112,600	341,926,112,600	319,654,151,394	319,654,151,394
	341,926,112,600	341,926,112,600	319,654,151,394	319,654,151,394

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 4.1%/năm đến 8.95%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4.1%/năm đến 8.4%/năm).

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2026	01/01/2026
TP INC.	1,656,046,135	100,551,559
Công ty TNHH Kinh Doanh và Thương Mại Bích Ngọc	4,358,211,357	4,380,884,029
Công ty TNHH Lan Phát Đạt	1,123,166,772	4,144,704,141
Các khoản phải thu khách hàng khác	95,419,261,353	150,577,558,263
	102,556,685,617	159,203,697,992
Dự phòng phải thu khó đòi	(13,269,428,253)	(14,994,531,428)

3.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2026	01/01/2026
Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn	6,362,124,345	4,475,354,479
	6,362,124,345	4,475,354,479
Trả trước cho nhà cung cấp dài hạn	6,606,549,448	5,405,358,639
	6,606,549,448	5,405,358,639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,452,992,617	11,452,992,617
Lãi tiền gửi và cho vay	4,769,833,425	5,963,046,278
Tạm ứng cho nhân viên	1,213,249,903	888,686,182
Phải thu ngắn hạn khác	1,126,194,782	945,087,230
	<u>18,562,270,727</u>	<u>19,249,812,307</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11,452,992,617)	(11,452,992,617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3,228,145,500	3,305,676,757
	<u>3,228,145,500</u>	<u>3,305,676,757</u>

5. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<u>31/03/2026</u>		<u>01/01/2026</u>	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	14,622,645,693	1,353,217,440	18,216,519,978	3,221,988,550
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,452,992,617	-	11,452,992,617	-
	<u>26,075,638,310</u>	<u>1,353,217,440</u>	<u>29,669,512,595</u>	<u>3,221,988,550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	4,703,217,436	-
Nguyên liệu, vật liệu	136,098,750,373	(25,301,625,068)	125,125,281,619	(27,142,551,722)
Công cụ, dụng cụ	3,019,127,984	-	-	-
Thành phẩm	130,212,128,645	(21,942,102,813)	128,729,763,921	(22,094,227,345)
Hàng hoá	993,816,022	-	484,653,769	-
	270,323,823,024	(47,243,727,880)	259,042,916,745	(49,236,779,067)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Năm 2025
Số đầu	49,236,779,067	53,911,472,037
Cộng dự phòng trong năm	-	14,985,298,238
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(1,993,051,186)	(19,659,991,208)
Số cuối	47,243,727,880	49,236,779,067

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2026	369,797,384,842	317,908,848,171	14,167,971,136	42,464,099,741	20,188,931,964	764,527,235,854
Tăng trong kỳ				3,494,218,676		3,494,218,676
Giảm trong kỳ	(789,627,385)		910,553,041	1,216,951,471	9,805,845	1,216,951,471
Giảm khác						130,731,501
Tại ngày 31/03/2026	369,007,757,457	317,908,848,171	15,078,524,176	44,741,366,946	20,198,737,809	766,935,234,560
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	122,545,051,838	282,042,688,387	13,876,827,998	28,387,261,050	19,636,416,863	466,488,246,136
Trích vào chi phí trong kỳ	3,992,236,914	1,715,565,020	107,783,880	802,228,518	154,779,207	6,772,593,539
Giảm khác	9,777,610	-	(35,480,570)	802,665,757	(174,727)	776,788,070
Tại ngày 31/03/2026	126,527,511,142	283,758,253,407	14,020,092,448	28,386,823,811	19,791,370,797	472,484,051,605
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	247,252,333,004	35,866,159,784	291,143,138	14,076,838,691	552,515,101	298,038,989,718
Tại ngày 31/03/2026	242,480,246,315	34,150,594,764	1,058,431,728	16,354,543,135	407,367,012	294,451,182,955

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2026	24,566,385,000	7,831,500,000	8,595,727,189	1,376,387,470	42,369,999,659
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	38,283,284	38,283,284
Tại ngày 31/03/2026	24,566,385,000	7,831,500,000	8,595,727,189	1,338,104,186	42,331,716,375
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2026	24,566,385,000	7,831,500,000	8,084,020,941	686,893,687	41,168,799,628
Trích vào chi phí trong năm	-	-	33,372,150	-	33,372,150
Tại ngày 31/03/2026	24,566,385,000	7,831,500,000	8,117,393,091	686,893,687	41,202,171,778
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2026	-	-	511,706,248	689,493,783	1,201,200,031
Tại ngày 31/03/2026	-	-	478,334,098	651,210,499	1,129,544,597

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)
Đầu tư vào đơn vị khác	9,924,200,000	(960,000,000)	10,215,200,000	(960,000,000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64,120,254,734	(99,961,624)	64,120,254,734	(616,097,200)
	85,634,844,734	(12,650,351,624)	85,925,844,734	(13,166,487,200)

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44%	44%

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty Cổ phần Texpia đang trong quá trình giải thể.

9.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty cổ phần dược Bắc Ninh	4,014,200,000	4,014,200,000
Công ty Kalon Investment Asset	4,950,000,000	5,241,000,000
Công ty CP Hyojung Soft Tech	960,000,000	960,000,000
	9,924,200,000	10,215,200,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(960,000,000)	(960,000,000)

9.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tập đoàn PC1	29,120,254,734	29,120,254,734	28,729,136,132	29,120,254,734	29,120,254,734	29,120,254,734
Trái phiếu MSN	16,500,000,000	16,500,000,000	16,732,900,800	16,500,000,000	16,500,000,000	16,004,932,350
Trái phiếu LPB	8,500,000,000	8,500,000,000	8,499,994,178	8,500,000,000	8,500,000,000	8,499,980,450
Trái phiếu VHM	10,000,000,000	10,000,000,000	10,058,262,000	10,000,000,000	10,000,000,000	9,878,990,000
	64,120,254,734	64,120,254,734	64,020,293,110	64,120,254,734	64,120,254,734	63,504,157,534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Đơn vị tính: VND

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Tiền thuê mặt bằng	-	2,033,018,235
Chi phí khác	3,296,401,576	1,131,411,505
	<u>3,296,401,576</u>	<u>3,164,429,740</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất Giang Điền (*)	102,311,517,293	112,647,990,776
Tiền thuê Showroom	12,728,333,976	8,568,104,906
Chi phí thi công Showroom	6,853,463,581	4,442,292,839
Phụ tùng máy móc thiết bị quản lý	-	11,185,350,551
Chi phí dài hạn khác	1,367,532,292	1,352,375,089
	<u>123,260,847,142</u>	<u>138,196,114,161</u>

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	21,531,600,917	21,531,600,917	29,287,576,805	29,287,576,805
	<u>21,531,600,917</u>	<u>21,531,600,917</u>	<u>29,287,576,805</u>	<u>29,287,576,805</u>

11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026	01/01/2026
Khách hàng trả tiền trước	20,539,308,858	12,835,613,808
	<u>20,539,308,858</u>	<u>12,835,613,808</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026	01/01/2026
Phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	719,553,141	1,940,779,702
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6,600,005)	4,124,627,585
Thuế thu nhập cá nhân	1,420,453,173	1,225,441,216
Các loại thuế khác	118,690,795	245,594,103
	<u>2,252,097,104</u>	<u>7,536,442,606</u>

13. TÀI SẢN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026	01/01/2026
Phải trả khác ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	130,672,075	400,364,866
Kinh phí công đoàn	488,611,220	231,775,248
Phải trả- phải nộp khác	1,646,275,647	1,071,650,671
	<u>2,265,558,942</u>	<u>1,703,790,785</u>
Phải trả khác dài hạn		
Trợ cấp thôi việc	21,847,327,161	21,885,507,017
Phải trả dài hạn khác	2,010,003,000	2,010,003,000
	<u>23,857,330,161</u>	<u>23,895,510,017</u>

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. VAY

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2026		Tăng/ Giảm		Đơn vị tính: VND 01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	115,128,498,888	115,128,498,888	68,018,177,754	88,710,763,458	135,821,084,592	135,821,084,592
Vay dài hạn đến hạn trả	5,370,000,000	5,370,000,000	-	4,115,000,000	9,485,000,000	9,485,000,000
	120,498,498,888	120,498,498,888	68,018,177,754	92,825,763,458	145,306,084,592	145,306,084,592

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2026		Tăng/ Giảm		Đơn vị tính: VND 01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	80,817,482,227	80,817,482,227	-	-	80,817,482,227	80,817,482,227
	80,817,482,227	80,817,482,227	-	-	80,817,482,227	80,817,482,227

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. VAY (tiếp theo)

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ		
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	69,522,147,926	VND 69,522,147,926	Vay ngắn hạn 179 ngày, lãi trả theo tháng 5.2%-7.2%	Quyền sử dụng đất, tài sản và máy móc tại nhà máy Hà Nội, nhà máy Hưng Yên và các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH Woori Bank VN- CN Hà nội	45,606,350,962	VND 45,606,350,962	Vay ngắn hạn 6 tháng 7.0%	Tin chấp
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	80,817,482,227	VND 80,817,482,227	Vay dài hạn 7 năm, lãi trả theo tháng 7.9%	Quyền sử dụng đất và Tài sản cố định hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai
KEB Hana Bank	5,370,000,000	KRW 300,000,000	Khoản vay này được gia hạn thêm 1 năm, đến hạn năm 2026 4.4%	Văn phòng công ty Everpia Korea
Trong đó	201,315,981,115			
Vay ngắn hạn	115,128,498,888			
Vay dài hạn đến hạn trả	5,370,000,000			
Vay dài hạn	80,817,482,227			

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn Cổ Phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông thiếu số	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	419,797,730,000	184,195,877,847	4,593,920,095	(3,728,916,371)	331,476,712,882	12,163,170,265	948,498,494,718
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	39,216,135,841	879,995,191	40,096,131,032
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(20,984,508,075)	-	(20,984,508,075)
Giảm khác	-	-	-	(259,800,609)	-	-	(259,800,609)
Chuyển đổi báo cáo công ty nước ngoài	-	-	(4,451,148,286)	-	-	-	(4,451,148,286)
Số dư tại ngày 01/01/2026	419,797,730,000	184,195,877,847	142,771,809	(3,988,716,980)	349,708,340,647	13,043,165,457	962,899,168,780
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	770,203,562	357,181,628	1,127,385,190
Giảm khác	-	-	(756,413,823)	(629,941,561)	-	-	(1,386,355,384)
Số dư tại ngày 31/03/2026	419,797,730,000	184,195,877,847	(613,642,014)	(4,618,658,541)	350,478,544,209	13,400,347,085	962,640,198,586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	31/03/2026		01/01/2026	
	Tổng	Cổ phiếu phổ thông	Tổng	Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847
	603,993,607,847	603,993,607,847	603,993,607,847	603,993,607,847

15.3 Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu đang lưu hành	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	197,365.16	443,820.00
Euro (EUR)	1,783.96	2,075.56
Won Hàn Quốc (KRW)	674,150,605	5,534,758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Doanh thu bán hàng	152,913,521,384	143,380,707,971
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	152,913,521,384	143,380,707,971
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1,227,716,831)	(90,897,541)
Các khoản giảm trừ	(1,227,716,831)	(90,897,541)
Doanh thu thuần về bán hàng	151,685,804,553	143,289,810,430

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Giá vốn thành phẩm	95,863,557,151	87,244,722,909
	95,863,557,151	87,244,722,909

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Lãi tiền gửi	7,494,883,115	6,107,616,584
Lãi chênh lệch tỷ giá	574,760,930	593,754,874
Lãi kinh doanh chứng khoán	516,135,576	-
Doanh thu tài chính khác	182,002,887	370,142
	8,767,782,508	6,701,741,600

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Chi phí tiền vay	3,322,452,217	2,865,772,114
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,612,614,471	1,447,855,643
Chi phí tài chính khác	71	17
	4,935,066,760	4,313,627,774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Chi phí nhân công	17,586,173,427	17,624,905,292
Chi phí nguyên vật liệu	771,745,258	460,312,433
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	115,071,711	161,683,680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,963,588,230	12,989,641,818
Chi phí khác	7,055,699,481	4,557,000,452
	39,492,278,107	35,793,543,675

Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Chi phí nhân công	11,199,153,475	13,630,441,825
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2,681,634,628	2,460,120,261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,995,167,468	4,448,370,061
Chi phí khác	741,881,114	833,292,908
	19,617,836,686	21,372,225,055

6. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Thu nhập khác	575,877,167	409,282,141
	575,877,167	409,282,141
Chi phí khác	47,704,804	19,685,277
	47,704,804	19,685,277

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69,558,124,619	76,048,448,337
Chi phí nhân công	44,892,691,260	46,426,213,800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,805,965,689	7,680,023,857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26,629,929,247	21,706,675,551
Chi phí khác bằng tiền	8,569,325,853	5,852,212,694
	156,456,036,668	157,713,574,239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

8. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

8.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

8.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Đơn vị tính: VND	
			Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Quý 1/2026	Quý 1/2025
Tài sản thuế hoãn lại				
Dự phòng hàng tồn kho	9,130,391,475	9,475,412,110	(345,020,635)	(125,709,770)
Dự phòng phải thu khó đòi	7,213,753,267	7,479,960,570	(266,207,303)	(63,146,402)
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,793,025,484	2,793,025,486	(2)	-
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	485,058,335	467,365,088	17,693,247	17,693,247
Lợi nhuận chưa thực hiện	1,116,811,961	1,013,227,458	103,584,503	(98,112,180)
Tổng	20,739,040,522	21,228,990,712	(489,950,190)	(269,275,105)
Chi phí thuế hoãn lại				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	243,126,190	(301,188,470)	544,314,660	198,891,562
Tổng	243,126,190	(301,188,470)	544,314,660	198,891,562
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh	20,982,166,712	20,927,802,242	54,364,470	(70,383,543)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1 Số tiền đi vay thực tu trong kỳ

- Thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 68,018,177,854 VNĐ

2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Trả nợ gốc đi vay theo kế ước thông thường: 92,825,763,458 VNĐ
- Trả nợ gốc đi vay dưới hình thức khác

VIII CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VIII CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026			
Doanh thu			
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	121,316,877,944	30,368,926,609	151,685,804,553
<i>Giá vốn các bộ phận</i>	(73,845,453,142)	(22,018,104,009)	(95,863,557,151)
Kết quả			
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	47,471,424,802	8,350,822,600	55,822,247,402
<i>Chi phí không phân bổ</i>			(54,749,226,682)
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>			1,073,020,720
<i>Chi phí thuế TNDN</i>			54,364,470
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>			1,127,385,190
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Tài sản bộ phận</i>	42,614,223,356	35,220,041,391	77,834,264,747
<i>Tài sản không phân bổ</i>			1,180,814,802,339
Tổng tài sản			1,258,649,067,086
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>			296,008,868,500
Tổng nợ phải trả			296,008,868,500
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025			
Doanh thu			
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	110,580,380,299	32,709,430,131	143,289,810,430
<i>Giá vốn các bộ phận</i>	(62,312,396,923)	(24,932,325,986)	(87,244,722,909)
Kết quả			
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	48,267,983,376	7,777,104,145	56,045,087,521
<i>Chi phí không phân bổ</i>			(54,388,058,040)
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>			1,657,029,481
<i>Chi phí thuế TNDN</i>			(565,876,521)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>			1,091,152,960
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Tài sản bộ phận</i>	76,422,827,274	34,181,272,684	110,604,099,958
<i>Tài sản không phân bổ</i>			1,154,638,677,726
Tổng tài sản			1,265,242,777,684
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>			315,601,783,142
Tổng nợ phải trả			315,601,783,142

Giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không tách hợp nhất được mục đích cho từng hoạt động, không phân bổ được theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VIII CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HDQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty:

Đơn vị tính: VND

		Q1/Năm 2026	Q1/Năm 2025
Lee Jae Eun	Tổng Giám Đốc	1,314,928,777	1,284,606,500
Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám Đốc	657,418,843	629,567,771
Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám Đốc	657,616,843	642,354,500
YI Seung Mok	Thành viên hội đồng Quản trị Độc lập	14,400,000	21,600,000
Lê Khả Tuyên	Thành viên hội đồng Quản trị Độc lập	21,600,000	21,600,000
Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban Kiểm soát	21,600,000	21,600,000
Ko Tae Yeon	Thành viên ban kiểm soát	21,600,000	21,600,000
Nguyễn Đắc Hường	Thành viên ban kiểm soát	21,600,000	21,600,000
		2,730,764,463	2,664,528,771

3. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm 2026	Năm 2025
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	770,203,562	720,558,457
Lợi nhuận sau thuế sau khi đã điều chỉnh suy giảm	770,203,562	720,558,457
Bình quân gia quyền của số cổ đông phổ thông	41,979,773	41,979,773
Bình quân gia quyền của số cổ đông phổ thông	41,979,773	41,979,773
Lãi trên cổ phiếu	18	17
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18	17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VIII CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được trình bày lại hay điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.
Ngày 22 tháng 04 năm 2026, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng Cổ Đông năm 2026. Đại hội đã thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt với trị giá 1.000 đồng/Cp, trích quỹ quản lý bằng 5% lợi nhuận sau thuế.



5. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH TĂNG/ GIẢM DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC


Công ty cổ phần Everpia xin giải trình tăng/ giảm doanh số và lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2025	Chênh lệch tuyệt đối	Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 1	151,685,804,553	143,289,810,430	8,395,994,123	6%
Lợi nhuận sau thuế quý 1	770,203,562	720,558,457	49,645,105	7%

Ngành dệt may Việt Nam năm 2026 được dự báo là tăng trưởng chậm lại với các biến số khó lường từ thị trường. Thị trường ngành dệt may phản ánh rõ xu hướng hụt đà sau giai đoạn phục hồi trước đó. Các thị trường trong nước và ngoài nước đều có mức tăng thấp nhất trong nhiều năm gần đây. Chi phí đầu vào và logistics cũng đang trở thành gọng kìm siết chặt doanh nghiệp ngành dệt may. Xung đột chính trị ở Trung Đông kéo dài làm tăng chi phí vận chuyển trong khi giá nguyên vật liệu và năng lượng duy trì ở mức cao. Công ty Cổ Phần Everpia cũng không tránh khỏi sự ảnh hưởng đó. 3 tháng đầu năm 2026, Công ty đã rất cố gắng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ, doanh thu tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng là 8.4 tỷ đồng. Đóng góp vào việc tăng trưởng doanh thu này là bộ phận xuất khẩu chăn ga với mức tăng trưởng là 120%, bộ phận kinh doanh B2B với mức tăng trưởng là 173%. Đây là các bộ phận kinh doanh mà công ty sẽ đầu tư mạnh trong năm 2026 để đẩy mạnh tăng trưởng doanh số.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh tại Trung Đông cũng đã khiến cho chi phí sản xuất kinh doanh của công ty đã có sự biến động. Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng từ 63% lên 65% là do chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí năng lượng cho sản xuất tăng cao. Ngoài ra, trong năm 2026, công ty tiếp tục tiến hành re-branding lại nhãn hàng chăn ga, hướng tới mục tiêu làm mới hiệu quả cho các sản phẩm chăn ga. Do vậy chi phí bán hàng tăng 5.5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Các chi phí này sẽ mang lại hiệu quả trong tương lai. Các công ty con của Công ty hoạt động có hiệu quả hơn do vậy lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 770 triệu đồng tăng 7% so với cùng kỳ năm trước



Nguyễn Bảo Ngọc Nguyễn Bảo Ngọc Yu Sung Dae Lee Jae Eun
 Người lập biểu Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
 Phụ trách Tài chính



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 4 năm 2026